

Phụ lục IV
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 CỦA THỊ XÃ AN NHƠN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính														
				Xã Nhơn Phong	Xã Nhơn An	Xã Nhơn Hạnh	Xã Nhơn Khánh	Xã Nhơn Hậu	Phường Bình Định	Xã Nhơn Mỹ	Phường Nhơn Thành	Phường Nhơn Hưng	Phường Nhơn Hòa	Phường Đập Đá	Xã Nhơn Thọ	Xã Nhơn Tân	Xã Nhơn Phúc	Xã Nhơn Lộc
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	Tổng diện tích		144,18	5,43	0,99	0,09	2,88	16,78	6,51	67,59	9,09	1,99	17,64	1,40	2,40	5,84	4,70	0,86
1	Đất nông nghiệp	NNP	3,80					1,68									1,48	0,64
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3,66					1,54									1,48	0,64
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3,66					1,54									1,48	0,64
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK																
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK																
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN																
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS																
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																
1.9	Đất làm muối	LMU																
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,14					0,14										
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	140,37	5,43	0,99	0,09	2,88	15,10	6,51	67,59	9,09	1,99	17,64	1,40	2,40	5,84	3,22	0,22
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	11,20	0,10	0,61		1,69	2,91		3,24					0,48	2,17		
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	12,09						5,86		2,39	1,53	1,90	0,41				
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,10						0,10									
2.4	Đất quốc phòng	CQP																
2.5	Đất an ninh	CAN																
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	2,88					0,35	0,01	0,62	0,60	0,15				0,50	0,65	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,31						0,01								0,30	
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH																
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,10									0,10						
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1,20					0,05		0,20	0,60						0,35	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1,27					0,30		0,42		0,05				0,50		

[illegible]